

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HS-ST

Ngày : 04/01/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Quang Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Thảo

Bà Phạm Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Hà - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 142/2022/TLST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2022/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. VÕ THỊ KIM T1; sinh ngày 18 tháng 02 năm 1997; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nữ; Nơi ĐKTT: A T, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Không có nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Võ Thanh B, sinh năm 1974 và bà Trần Thị M, sinh năm 1977; chồng: không; con: Võ Thủy T, sinh năm 2016; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2022. (Có mặt).

2. TRẦN VĂN PHÚ Q; sinh ngày 11 tháng 7 năm 1994 tại: Tiền Giang; Giới tính: Nam; ĐKTT: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: Không có; Nghề nghiệp: Thợ hồ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Con ông Trần Văn H, sinh năm: 1971; con bà Nguyễn Thị Bạch Y, sinh năm 1975; Vợ: không; con: Võ Thủy T, sinh năm 2016; Tiền án: không; tiền sự: Quyết định số 305/QĐ-TA ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận 4 về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chấp hành xong ngày 21/12/2021; Nhân thân: Bản án số 326/HSPT ngày 05/8/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2022. (Có mặt)

- *Bị hại*: Chị Nguyễn Thúy N, sinh năm: 1988; Địa chỉ: C Lô A, Cư xá T, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Anh Võ Hữu C ;Địa chỉ: D ấp A, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 ngày 07/4/2022, Trần Văn Phú Q điều khiển xe Yamaha Luvias biển số: 59B1 - 207.58 chở Võ Thị Kim T1 lưu thông trên đường H, Phường A, quận T (đoạn gần công viên Hoàng Văn T2, hướng từ vòng xoay L về quận B), T1 ngồi sau phát hiện chị Nguyễn Thủy N1 điều khiển xe máy Honda Vision biển số: 59B1 – 606.10 lưu thông phía trước cùng chiều, trong hộc đựng đồ bên trái phía dưới cổ xe máy của chị N1 có để chiếc điện thoại di động hiệu Oppo A74 màu xanh (có ốp lưng bằng nhựa màu hồng nhạt) nên nảy sinh ý định cướp giật tài sản. Khi đến trước số B H, Phường A, quận T, T1 chỉ cho Q biết và nói Q áp sát xe chị N1, Q liền điều khiển xe áp sát xe chị N1 để T1 ngồi sau chồm sang dùng tay phải cướp giật chiếc điện thoại di động Oppo A74 của chị N1, nói cho Q biết và kêu Q chạy nhanh. Q nhanh chóng tăng ga chở T1 tẩu thoát. Chị N1 tri hô và tăng ga truy đuổi theo ngay phía sau. Chạy được khoảng 300 mét (đến trước khách sạn T4) thì Q điều khiển xe máy chở T1 quẹo trái sang đường rồi lưu thông ngược lại về hướng sân vận động Q1. Khi đến cột đèn tín hiệu giao thông phía trước Bộ thì lúc này đèn tín hiệu giao thông là đèn đỏ, phía trước có nhiều phương tiện đang dừng lại chờ đèn đỏ nên Q cũng dừng xe lại. Chị N1 đuổi theo kịp và dùng tay giữ T1 lại và tri hô, Q liền tăng ga chạy lên lề đường định chở T1 tẩu thoát nhưng T3 bị kéo lại làm Q và T3 cùng té ngã, chiếc điện thoại bị cướp giật của chị N1 bị rơi xuống đường. Q bỏ xe chạy bộ để tẩu thoát nhưng bị Cảnh sát giao thông Tân Sơn N2 và quần chúng nhân dân đi đường đuổi theo không chế bắt giữ tại trước số B H, Phường I, quận P, bàn giao Q và T1 cùng phương tiện gây án cho Công an P, quận T xử lý.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, các bị cáo Võ Thị Kim T1 và Trần Văn Phú Q đã khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên. Đối với bị can Q, quá trình điều tra nài ra lý do không thống nhất trước với bị can T1 về việc cướp giật điện thoại của chị N1, chỉ đến khi T1 cướp giật được tài sản, nói cho Q biết, Q mới tăng ga xe chở T1 để tránh bị bắt giữ. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của các bị can, diễn biến của vụ án và các tài liệu khác có đủ cơ sở quy buộc Q cố ý cùng T1 thực hiện hành vi cướp giật điện thoại của chị N1.

Vật chứng:

+ 01 (một) Chiếc điện thoại di động hiệu Oppo A74 màu xanh có kèm ốp lưng bằng nhựa màu hồng nhạt có giá là 4.550.000 đồng đã trả cho bị hại.

+ Phương tiện gây án: Một xe máy hiệu Yamaha Luvias biển số: 59B1 - 207.58; Q khai mua qua mạng xã hội với giá 2.000.000 đồng; Quá trình điều tra, xác minh biển số xe và số khung, số máy là của không cùng 1 xe. Chủ sở hữu biển số: 59B1 - 207.58

là anh Võ Hữu C, tuy nhiên anh C vắng mặt tại địa phương, đi đâu không rõ. Qua xác minh số khung, số máy không xác định được chủ sở hữu.

+ Ngoài ra thu giữ tài sản cá nhân của Q: 01 bóp da màu nâu bên trong có CMND của Q cùng số tiền 6.850.000 đồng (Q khai là tiền của bà H1 đang chung sống với ba như vợ chồng cho mượn); 01 điện thoại di động Samsung màu đen; 01 áo khoát màu xanh, 01 quần Jean dài màu xám là trang phục Q mặc khi phạm tội.

+ Thu giữ tài sản cá nhân của T1: 01 túi xách màu đen có quay đeo, bên trong có 900.000 đồng, 01 điện thoại hiệu Oppo màu xám trắng đã bị hư (bề mặt hình) và 01 điện thoại hiệu Huawei màu đen, 01 bộ đồ màu trắng có hoa văn hình con gấu màu nâu là trang phục Tuyền mặc khi phạm tội.

Phần dân sự: Chị Nguyễn Thúy N đã nhận chiếc điện thoại di động hiệu Oppo A74 màu xanh có kèm ốp lưng bằng nhựa màu hồng nhạt và không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 134/CT-VKS ngày 30 tháng 11 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân quận T đã truy tố bị cáo Võ Thị Kim T1 và Trần Văn Phú Q về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Trong phần luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình nêu tóm tắt nội dung vụ án, các nguyên nhân điều kiện phát sinh tội phạm, tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, nêu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội cướp giật tài sản, xử phạt bị cáo Võ Thị Kim T1 từ 3 năm 6 tháng tù; xử phạt bị cáo Trần Văn Phú Q từ 3 năm 6 tháng tù.

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự thì đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

- Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, không có tranh luận gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo Võ Thị Kim T1 và Trần Văn Phú Q, Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận T, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình được phân công điều tra giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của

Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với bản kết luận điều tra của cơ quan cảnh sát điều tra, bản cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai của người làm chứng cùng tang vật, các tài liệu chứng cứ khác thu được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở kết luận bị cáo Võ Thị Kim T1 và Trần Văn Phú Q đã có hành vi điều khiển xe gắn máy cướp giật chiếc điện thoại di động của chị N, đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”, thuộc trường hợp “Dùng thủ đoạn nguy hiểm”, là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất táo bạo, liều lĩnh ngang nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác ngay trên đường phố nơi đông người và dùng thủ đoạn nguy hiểm là xe gắn máy phân khối lớn, là nguồn nguy hiểm cao độ làm phương tiện phạm tội, tiềm ẩn nguy cơ dễ gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của bị hại và những người đang lưu thông trên đường. Xét về tính chất vụ án là nghiêm trọng, các bị cáo đã thành niên, đủ khả năng nhận thức hành vi cướp giật tài sản của người khác bị pháp luật nghiêm cấm và trừng trị nhưng chỉ vì muốn có tiền tiêu xài nên các bị cáo đã cố tình thực hiện tội phạm, chứng tỏ các bị cáo có thái độ coi thường pháp luật. Riêng bị cáo Q có 1 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên có nhân thân xấu. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm mục đích giáo dục, cải tạo các bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ: Hội đồng xét xử xem xét tình tiết: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo theo quy định tại điểm h, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại chị Nguyễn Thúy N đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Võ Hữu C không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[5] Về vật chứng vụ án:

+ Tài sản của chị N bị các bị can cướp giật là 01 điện thoại di động hiệu OPPO A74 màu xanh có kèm ốp lưng bằng nhựa màu hồng nhạt, qua định giá trị giá 4.550.000 đồng, đã thu hồi, trả lại cho chị N là đúng và phù hợp quy định của pháp luật.

+ Phương tiện gây án: Một xe máy hiệu Yamaha Luvias biển số: 59B1 - 207.58; Q khai mua qua mạng xã hội với giá 2.000.000 đồng; Quá trình điều tra, xác minh biển số xe và số khung, số máy là của không cùng 1 xe. Chủ sở hữu biển số: 59B1 - 207.58 là anh Võ Hữu C, tuy nhiên anh C vắng mặt tại địa phương, đi đâu không rõ. Qua xác minh số khung, số máy không xác định được chủ sở hữu. Xét thấy biển số xe 59B1 - 207.58 không còn giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy. Xe máy hiệu Yamaha Luvias có số

khung RLCL44S10DY074901, số máy 44S1074908 do không xác định được chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao cho Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng một thời gian, nếu không xác định được chủ sở hữu thì tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

+ 01 bóp da màu nâu bên trong có CMND của Q cùng số tiền 6.850.000 đồng (Q khai là tiền của bà H1 đang chung sống với ba như vợ chồng cho mượn); 01 điện thoại di động Samsung màu đen là tài sản cá nhân của Q; 01 túi xách màu đen có quai đeo, bên trong có 900.000 đồng, 01 điện thoại hiệu Oppo màu xám trắng đã bị hư (bề mặt hình) và 01 điện thoại hiệu Huawei màu đen là tài sản cá nhân của T1 không sử dụng cho việc phạm tội nên trả lại cho các bị cáo.

01 quần Jean dài màu xám là trang phục Quý mặc khi phạm tội, 01 bộ đồ màu trắng có hoa văn hình con gấu màu nâu là trang phục Tuyên mặc khi phạm tội là những vật cá nhân của các bị cáo và các bị cáo không có yêu cầu nhận lại nên tịch thu và tiêu hủy.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Võ Thị Kim T1 và Trần Văn Phú Q;

Căn cứ Điều 106; Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

[1] Tuyên bố các bị cáo Võ Thị Kim T1 và Trần Văn Phú Q phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt bị cáo: Võ Thị Kim T1 : 3 (Ba) năm 6 (S) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/4/2022

Xử phạt bị cáo: Trần Văn Phú Q: 3 (Ba) năm 6 (S) tháng tù tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/4/2022

[2] Xử lý vật chứng:

Giao 01 xe máy hiệu Yamaha Luvias có số khung RLCL44S10DY074901, số máy 44S1074908 cho Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng. Sau một năm, nếu không xác định được chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp thì tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Trả lại cho bị cáo Q 01 bóp da màu nâu bên trong có CMND của Q cùng số tiền 6.850.000 đồng; 01 điện thoại di động Samsung màu đen;

Trả lại cho bị cáo T1 01 túi xách màu đen có quai đeo, bên trong có 900.000 đồng, 01 điện thoại hiệu Oppo màu xám trắng đã bị hư (bề mặt hình) và 01 điện thoại hiệu Huawei màu đen.

Tịch thu tiêu hủy: 01 biển số xe 59B1 - 207.58; 01 quần Jean dài màu xám, 01 bộ đồ màu trắng có hoa văn hình con gấu màu nâu.

(Theo phiếu nhập kho vật chứng số 25/PNK ngày 25/5/2022 của Công an quận T).

3] Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án, hoặc từ ngày niêm yết đề Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Quang Vũ

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- Công an quận Tân Bình;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- TAND, VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng HSNVCS CA Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Lưu Quang Vũ**